



**ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VỚI CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC**

Nội dung	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Vinh	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU)	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ (6 tín chỉ chung, 12 tín chỉ cơ sở ngành, 12 tín chỉ chuyên ngành, 15 tín chỉ thực tập và đồ án, 15 tín chỉ tự chọn)	60 tín chỉ (10 tín chỉ chung, 20 tín chỉ cơ sở ngành, 20 tín chỉ chuyên ngành, 10 tín chỉ thực tập và luận văn thạc sĩ)	60 tín chỉ (11 tín chỉ chung, 14 tín chỉ cơ sở ngành, 20 tín chỉ chuyên ngành, 6 tín chỉ thực tập, 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp)	Các trường đều áp dụng tổng số tín chỉ tương đồng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đại học Vinh tập trung nhiều vào thực tập và ứng dụng thực tiễn.
Thời gian đào tạo	2 năm (4 học kỳ)	2 năm (4 học kỳ)	2 năm (4 học kỳ)	Thời gian đào tạo tương đồng giữa các trường, đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.
Khối kiến thức chung	6 tín chỉ: Triết học (3 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ)	10 tín chỉ: Triết học (3 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ), Phương pháp nghiên cứu (4 tín chỉ)	11 tín chỉ: Triết học (4 tín chỉ), Tiếng Anh tăng cường (3 tín chỉ), Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ), Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet (2 tín chỉ)	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh dành ít tín chỉ hơn cho khối kiến thức chung, phù hợp với định hướng ứng dụng thực tiễn, thay vì nghiên cứu học thuật sâu
Khối kiến thức cơ sở ngành	12 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ (Các học thuyết kinh tế hiện đại, Kinh tế vĩ mô nâng cao, Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế). - Học phần tự chọn: 3 tín chỉ, gồm các môn: + Kinh tế quốc tế nâng cao (3 tín chỉ) + Kinh tế phát triển nâng cao (3 tín chỉ)	20 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 16 tín chỉ (Kinh tế học vĩ mô nâng cao, Kinh tế lượng ứng dụng, Kinh tế phát triển, Quản lý nhà nước). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn: + Phân tích rủi ro kinh tế (3 tín chỉ) + Đổi mới sáng tạo trong quản lý (3 tín chỉ) + Kinh tế lượng ứng dụng nâng	14 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ (Kinh tế học vĩ mô, Quản lý nhà nước về kinh tế, Luật kinh tế nâng cao). - Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần, gồm: + Quản lý công (2 tín chỉ) + Kinh tế phát triển nâng cao (2 tín chỉ) + Kinh tế nguồn nhân lực (2	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh chú trọng các học phần mang tính ứng dụng cao trong bối cảnh phát triển kinh tế địa phương, nhưng ít môn phân tích sâu hơn so với NEU và UEB.

	<ul style="list-style-type: none"> + Quản lý đầu tư công (3 tín chỉ) + Thống kê ứng dụng (3 tín chỉ) 	<ul style="list-style-type: none"> cao (3 tín chỉ) + Kỹ năng quản lý nâng cao (3 tín chỉ) 	<ul style="list-style-type: none"> tín chỉ) + Kinh doanh quốc tế nâng cao (2 tín chỉ) + Quản trị chiến lược (2 tín chỉ) + Thống kê ứng dụng trong kinh tế (2 tín chỉ) - Chuyên đề thực tế 1 (2 tín chỉ) 	
<p>Khối kiến thức chuyên ngành</p>	<p>12 tín chỉ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ (Quản lý tổ chức, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội). - Học phần tự chọn: 3 tín chỉ, gồm các môn: <ul style="list-style-type: none"> + Lãnh đạo (3 tín chỉ) + Đàm phán và quản lý xung đột (3 tín chỉ) + Phát triển vùng và địa phương (3 tín chỉ) + Quản lý chiến lược (3 tín chỉ) 	<p>20 tín chỉ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần bắt buộc: 16 tín chỉ (Quản trị chiến lược, Marketing trong quản lý kinh tế, Quản lý tài chính công, Quản lý nhân lực). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn: <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý dự án (3 tín chỉ) + Đổi mới sáng tạo (3 tín chỉ) + Kỹ năng đàm phán trong quản lý (3 tín chỉ) + Phân tích chính sách tài chính (3 tín chỉ) 	<p>20 tín chỉ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (2 tín chỉ) + Phân tích chính sách kinh tế, thương mại (2 tín chỉ) + Phân tích và quản lý nhà nước về đầu tư (2 tín chỉ). - Học phần tự chọn: 12 tín chỉ, chọn 6 trong 12 học phần: <ul style="list-style-type: none"> + Marketing xuất khẩu (2 tín chỉ) + Quản lý thuế (2 tín chỉ) + Tài chính công nâng cao (2 tín chỉ) + Kiểm toán hoạt động (2 tín chỉ) + Chính sách thương mại của các nước đang phát triển (2 tín chỉ) + Quản trị dịch vụ nâng cao (2 tín chỉ) + Dịch vụ ngân hàng hiện đại (2 tín chỉ) + Chiến lược chuỗi cung ứng 	<p>CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh mang tính thực tiễn cao, tập trung vào kỹ năng quản lý tổ chức và phát triển địa phương, nhưng chưa đa dạng các kỹ năng hiện đại như NEU và UEB.</p>

			(2 tín chỉ) + Lãnh đạo và quản lý (2 tín chỉ) + Thương mại và đầu tư quốc tế (2 tín chỉ) + Quản trị sự thay đổi (2 tín chỉ) + Pháp luật về phòng vệ thương mại (2 tín chỉ) - Chuyên đề thực tế 2 (2 tín chỉ)	
Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15 tín chỉ, tích hợp cả thực tập và luận văn thạc sĩ	10 tín chỉ thực tập riêng, luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ	Thực tập (6 tín chỉ) Đồ án tốt nghiệp (9 tín chỉ)	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh dành tỷ trọng lớn cho thực tập và đồ án, phù hợp với định hướng ứng dụng thực tiễn tại các tổ chức địa phương.
Báo cáo thực tế	3 tín chỉ	Không có	Không có	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh có thêm học phần "Báo cáo thực tế", hỗ trợ học viên kết nối thực tiễn với lý thuyết, đáp ứng yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp.

